

Số: *25* /2019/QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày *30* tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2020
trên địa bàn tỉnh Phú Thọ

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;
Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 ngày 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; Xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; Định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Thông tư số 332/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 333/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 10/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 11/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị quyết số 22/2019/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ thông qua Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Phú Thọ 5 năm (2020 - 2024);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất cụ thể áp dụng trong các trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 18 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 3 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.

b) Hệ số điều chỉnh giá đất quy định tại Quyết định này tương ứng với giá từng loại đất quy định trong Bảng giá các loại đất 05 năm (2020-2024) trên địa bàn tỉnh Phú Thọ ban hành kèm theo Quyết định số 20/2019/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2019 của UBND tỉnh Phú Thọ.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các tổ chức kinh tế, tổ chức sự nghiệp công lập tự bảo đảm toàn bộ chi phí hoạt động thường xuyên, đơn vị vũ trang nhân dân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, hộ gia đình, cá nhân được Nhà

nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

b) Tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất; cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm, cho thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê đất trên địa bàn tỉnh Phú Thọ (trừ hình thức đấu giá quyền sử dụng đất).

c) Các cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường, thuế, tài chính trên địa bàn tỉnh Phú Thọ và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Hệ số điều chỉnh giá đất

Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2020 đối với các loại đất trên địa bàn tỉnh Phú Thọ bằng 1,0 lần và được áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2020.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Cục Thuế tỉnh và các cơ quan liên quan tổ chức triển khai, theo dõi và kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thành, thị có trách nhiệm chỉ đạo cơ quan chuyên môn, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện xác định và thu nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo các quy định.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, UBND các huyện, thành thị phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo với UBND tỉnh xem xét, giải quyết.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2020 và thay thế Quyết định số 42/2018/QĐ-UBND ngày 21/12/2018 của UBND tỉnh Phú Thọ quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành, thị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / .

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Website Chính phủ;
- TTTU, TTHĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Vụ Pháp chế (Bộ Tài chính);
- Các sở, ngành: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Cục Thuế tỉnh; Tư pháp;
- UBND các huyện, thành, thị;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học (02b);
- Lưu: VT, TH2 (H.150b)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phan Trọng Tấn